KINH NGHIỆM PHÁP LUẬT TRUNG QUỐC VỀ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN NGHĨA VỤ BẰNG QUYỀN TÀI SẢN PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG VÀ MỘT SỐ GỢI MỞ CHO VIỆT NAM

NGUYỄN HUY HOÀNG NAM
BẾ HOÀI ANH
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 26/3/2025. Sửa chữa xong 31/3/2025. Duyệt đăng 05/4/2025.

Abstract

Proprietary rights in general and contractual proprietary rights in particular are one type of property, therefore, can be used as collateral for mortgage in accordance with Vietnamese civil law. China, an Asian country with close geographical location and similar social and cultural background, has developed a comprehensive legal framework regulating secured transactions based on this particular type of property. A selective study of China's legal experience, hence, is extremely important and valuable in order to render some appropriate recommendations for the improvement of the legal system governing security devices using contractual proprietary rights as collateral.

Keywords: *Contractual proprietary rights, secured transaction, mortgage, receivables.*

1. Đặt vấn đề

Nhóm quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng (HĐ) nằm rải rác trong nhiều văn bản quy phạm ở các cấp độ khác nhau và thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Tính chất đa dạng, phong phú của thỏa thuận của các bên có thể làm phát sinh nhiều quyền tài sản, từ đó cũng dẫn đến khả năng sở hữu và thế chấp các quyền tài sản này của các chủ thể nắm giữ quyền. Để hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về thế chấp quyền tài sản phát sinh từ HĐ, công tác học hỏi, tiếp thu kinh nghiệm pháp luật của các quốc gia có nền lập pháp tiên tiến là hết sức cần thiết, cung cấp những góc nhìn mới mẻ, toàn diện cho các nhà nghiên cứu, hoạt động thực tiễn trong lĩnh vực này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát kinh nghiệm pháp luật Trung Quốc về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng

Năm 2007, Luật Tài sản (Property Law) của Trung Quốc ra đời, trong đó bao gồm các quy định về biện pháp bảo đảm đối với các loại quyền tài sản do luật định. Trường hợp có sự khác biệt về quy định giữa Luật Tài sản và Luật Các biện pháp bảo đảm, Luật Tài sản sẽ được ưu tiên áp dụng. Các quy định trong Luật Tài sản cũng được hướng dẫn, giải thích bởi nhiều văn bản dưới luật như Văn bản giải thích của Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC), Thông tư của Cơ quan Quản lý ngoại hối (State Administration of Foreign Exchange), Văn bản hướng dẫn đăng ký đất (Land Registration Measures) và Văn bản đăng ký bất động sản (Real Estate Property Registration Measures) được ban hành năm 2008…[1, tr.131-152]. Chính các quy định của Luật Tài sản và các văn bản cụ thể hóa như trên đã tạo nên nền tảng và góp phần hình thành nội dung của các quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020. Theo đó, ngoài quy định về việc sử dụng các tài sản hữu hình (như các loại động sản) để bảo đảm cho các nghĩa vụ thì Bộ luật Dân sự Trung Quốc cũng ghi nhận khả năng

Email: hoangnam6490@gmail.com

các quyền tài sản nói chung và quyền tài sản phát sinh từ HĐ nói riêng là tài sản bảo đảm. Chẳng hạn, theo Điều 440 Bộ luật Dân sự Trung Quốc, một số quyền tài sản của bên có nghĩa vụ được sử dụng để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ đó như: (i) quyền đối với phần vốn góp trong doanh nghiệp có thể chuyển nhượng; (ii) quyền đối với các khoản phải thu (tương tự như quyền yêu cầu thanh toán phát sinh từ các hợp đồng); (iii) các quyền tài sản khác có thể sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo các quy định pháp luật khác.

Đối với việc sử dụng phần vốn góp trong doanh nghiệp (DN) làm tài sản bảo đảm, Bộ luật Dân sự Trung Quốc yêu cầu các bên phải thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm. Phần vốn góp đã thế chấp không được phép chuyển nhượng, trừ trường hợp bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm có thỏa thuận khác. Điều 443 Bộ luật này quy định, phần vốn góp này sẽ được chuyển nhượng cho bên nhận bảo đảm để trả nợ tại (hoặc trước) thời điểm khoản vay đến hạn hoặc được đưa vào ký quỹ. Tuy nhiên, cần lưu ý, việc chuyển nhượng phần vốn góp cần đáp ứng các điều kiện của Luật Công ty (Company Law)[1], nhất là khi vốn góp được chuyển nhượng cho người khác không phải là thành viên của công ty (trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp cho thành viên khác trong công ty thì Luật không đặt ra điều kiện hay hạn chế nào).

Trước đây, theo Luật Công ty (sửa đổi) năm 2018, thành viên muốn chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho người khác không phải là thành viên công ty phải được hơn ½ số thành viên còn lại trong công ty đồng ý. Quy định này dẫn đến hệ quả là, các thành viên khác luôn nắm giữ lợi thế lớn để có thể ngăn chặn giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp ra bên ngoài, ngay cả khi chỉ một vài chủ thể trong số họ không sử dụng quyền phủ quyết của mình. Do đó, một số ý kiến cho rằng yêu cầu phải được cho phép đối với thành viên muốn chuyển nhượng phần vốn góp là gánh nặng, rào cản hạn chế quyền năng hợp pháp của họ [2], nhất là khi họ cần chuyển giao vốn góp của mình sang cho bên nhận bảo đảm để thực hiện đúng cam kết trong HĐ thế chấp phần vốn góp đã ký kết và đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo Luật Công ty (sửa đổi) năm 2024, quy định này đã được bãi bỏ. Cụ thể, theo Điều 84, thành viên công ty có thể chuyển nhượng phần vốn góp cho chủ thể khác không phải là thành viên của công ty đó sau khi đã thông báo bằng văn bản cho các thành viên còn lại. Sau khi nhận được văn bản thông báo, các thành viên có 30 ngày để thực hiện quyền phủ quyết của mình. Hết thời hạn này, các thành viên được coi như đã từ bỏ quyền phủ quyết, tức gián tiếp chấp thuận giao dịch. Trường hợp có từ hai thành viên trở lên phủ quyết, các thành viên này sẽ thỏa thuận lại với bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm về việc họ sẽ mua lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp.

Đồng thời, theo Điều 86 Luật Công ty, trường hợp thành viên của công ty (bên bảo đảm bằng phần vốn góp) thực hiện việc chuyển nhượng vốn góp cho bên nhận bảo đảm, họ có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho công ty biết về quá trình chuyển nhượng, đồng thời có quyền yêu cầu công ty thay đổi thông tin về thành viên theo thủ tục do pháp luật quy định (nếu cần thiết). Nếu công ty từ chối hoặc không phản hồi trong một thời hạn hợp lý, bên bảo đảm (bên chuyển giao phần vốn góp) và bên nhận bảo đảm (bên nhận chuyển giao phần vốn góp) có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bên nhận bảo đảm có thể yêu cầu công ty về việc thực hiện quyền của chủ sở hữu tương ứng với từng phần vốn góp đã được chuyển giao. Sau khi toàn bộ vốn góp đã được chuyển giao cho bên nhận bảo đảm, công ty phải thực hiện thủ tục hủy đăng ký tư cách thành viên đối với bên bảo đảm, cấp giấy chứng nhận phần vốn góp mới cho bên nhận bảo đảm và thay đổi cá các thông tin có liên quan trong điều lệ và hồ sơ đăng ký thành viên. Các thủ tục này không cần sự cho phép của hội đồng thành viên.

Bên cạnh đó, Điều 88 Luật Công ty (sửa đổi) cũng dự liệu trường hợp, bên bảo đảm – tại thời điểm là thành viên của công ty – đã đăng ký tăng phần vốn góp của mình, tuy nhiên sau đó, việc chuyển giao vốn góp được diễn ra trong thời hạn tăng vốn góp đã đăng ký trước đây. Bên nhận bảo đảm, lúc này đã thay thế tư cách thành viên của bên bảo đảm, có nghĩa vụ phải góp vốn bổ sung theo đúng thỏa

1*) Luật Công ty được ban hành lần đầu năm 1993 (có hiệu lực từ ngày 01/7/1994). Luật đã được sửa đổi hai lần vào năm 2018 và 2023. Luật Công ty hiện hành có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, gồm 15 chương và 266 điều.*

thuận trước đó. Nếu bên nhận bảo đảm không thực hiện đúng nghĩa vụ (không góp vốn đủ theo cam kết hoặc không góp vốn đúng thời hạn), bên bảo đảm phải chịu trách nhiệm đối với phần nghĩa vụ vi phạm. Trường hợp bên nhận bảo đảm không biết và cũng không buộc phải biết về nghĩa vụ bổ sung phần vấn góp nêu trên, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ tăng vốn góp sẽ chỉ thuộc về bên bảo đảm.

Đối với trường hợp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng khoản phải thu (hay quyền yêu cầu thanh toán phát sinh từ HĐ), biện pháp bảo đảm phải được đăng ký. Cũng như thế chấp quyền đối với phần vốn góp, Bộ luật Dân sự Trung Quốc chỉ quy định nguyên tắc chung, cơ bản, các vấn đề cụ thể được các văn bản pháp luật chuyên ngành hướng dẫn, giải quyết một cách phù hợp. Một trong những văn bản quan trọng quy định chi tiết về biện pháp bảo đảm có đối tượng là khoản phải thu là Sắc lệnh số 4/2019 của Ngân hàng nhân dân Trung Quốc về các biện pháp đăng ký biện pháp bảo đảm bằng khoản phải thu. Mặc dù Sắc lệnh này được ban hành trước khi Bộ luật Dân sự năm 2020 ra đời và có nhiệm vụ chính là hướng dẫn thống nhất các quy định của Luật Tài sản năm 2007; tuy nhiên, sau khi Bộ luật Dân sự Trung Quốc được ban hành, văn bản này vẫn có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các nguyên tắc chung của pháp luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng khoản phải thu.

Về cơ bản, Bộ luật Dân sự Trung Quốc khẳng định, khoản phải thu, sau khi được thế chấp, không được phép chuyển nhượng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Khoản phải thu này sẽ được chuyển nhượng cho bên nhận bảo đảm để trả nợ tại (hoặc trước) thời điểm khoản vay đến hạn hoặc được đưa vào ký quỹ. Định nghĩa "khoản phải thu" (accounts receivable) được Điều 2 Sắc lệnh số 04/2019 ghi nhận là "quyền của bên có quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán cho một số loại hàng hóa, dịch vụ hoặc phương tiện nhất định do bên vay cung cấp, và các quyền khác của bên có quyền liên quan đến yêu cầu thanh toán hiện tại và trong tương lai". Các khoản phải thu không bao gồm các quyền yêu cầu thanh toán phát sinh từ hóa đơn và các khoản thanh toán khác trái với điều cấm của luật hoặc các quy định hành chính. Phạm vi các khoản phải thu được sử dụng làm tài sản bảo đảm bao gồm: (i) quyền của bên có quyền phát sinh từ HĐ mua bán hoặc thuê tài sản, bao gồm trường hợp bán hàng hóa, cung cấp nước, năng lượng, khí gas và khí đốt, quyền sử dụng các tài sản trí tuệ và quyền thuê động sản hoặc bất động sản; (ii) quyền của bên có quyền phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục, du lịch và các dịch vụ khác; (iii) quyền đối với các khoản tiền thu được từ các dự án năng lượng, giao thông, lọc nước, bảo vệ môi trường, kiến trúc đô thị và các dự án liên quan đến cơ sở hạ tầng công cộng khác; (iv) quyền của bên có quyền phát sinh từ HĐ vay tài sản hoặc các hoạt động tín dụng khác; (v) các quyền tài sản khác phát sinh từ HĐ liên quan đến nghĩa vụ thanh toán.

Bên cạnh đó, về cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, Sắc lệnh số 04/2019 cũng xác định Trung tâm Tham khảo tín dụng (Credit Reference Center) trực thuộc Ngân hàng nhân dân Trung Quốc là cơ quan phụ trách đối với các giao dịch bảo đảm bằng khoản phải thu. Trung tâm Tham khảo tín dụng phải thiết lập hệ thống đăng ký trực tuyến và thông báo công khai, tiếp nhận và xử lý các hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm bằng khoản phải thu và cung cấp thông tin cần thiết cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.

Việc đăng ký giao dịch thế chấp bằng khoản phải thu, về nguyên tắc, là trách nhiệm của bên nhận thế chấp theo thỏa thuận của các bên về việc cung cấp thông tin đăng ký. Bên nhận thế chấp có thể trực tiếp đăng ký hoặc ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục này. Các thông tin cần đăng ký bao gồm thông tin cơ bản của bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm, mô tả khoản phải thu và thời hạn đăng ký hợp lệ.

Trường hợp bên bảo đảm hoặc bên nhận bảo đảm là tổ chức, việc đăng ký phải bao gồm cả thông tin về tên gọi của tổ chức, trụ sở, tên của người đại diện theo pháp luật hoặc người có trách nhiệm, mã số đăng ký của tổ chức, số đăng ký trong trường hợp tổ chức là DN trong lĩnh vực thương mại và công nghiệp, mã số xã hội hợp nhất của tổ chức là pháp nhân và các tổ chức có liên quan khác, số định danh pháp nhân toàn cầu (LEI) và các thông tin khác về mã số hay tên gọi của pháp nhân.

Trường hợp một trong hai bên là cá nhân, việc đăng ký phải bao gồm số định danh hồ sơ hợp lệ, thông tin địa chỉ kèm theo hồ sơ và các thông tin khác khi có yêu cầu, theo Điều 10 Sắc lệnh số 04/2019.

Trường hợp thế chấp khoản phải thu để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác, bên thế chấp

và bên nhận thế chấp có thể thỏa thuận về việc đăng ký các thông tin khác như quyền của chủ thể được bảo đảm có liên quan đến quan hệ thế chấp.

Về thời hạn đăng ký, Điều 12, 13 Sắc lệnh số 04/2019 quy định, thời hạn này phải phù hợp với kỳ hạn của nghĩa vụ được bảo đảm. Thời hạn đăng ký tối thiểu là 1 tháng và tối đa là 30 năm. Trường hợp bên nhận bảo đảm muốn kéo dài thời hạn này thì phải làm thủ tục yêu cầu gia hạn trong vòng 90 ngày trước khi thời hạn đăng ký cũ chấm dứt.

Trường hợp các thông tin đã đăng ký có bất kỳ sai sót, thay đổi hay hủy bỏ nào, bên nhận bảo đảm phải thực hiện thay đổi các thông tin đó. Mặt khác, nếu các bên thỏa thuận sử dụng khoản phải thu mới làm tài sản bảo đảm cho một nghĩa vụ đã được bảo đảm bằng một khoản phải thu trước đó, bên nhận bảo đảm phải thực hiện thủ tục đăng ký mới cho giao dịch bảo đảm thứ hai.

Sau khi việc đăng ký đã được hoàn tất, nếu có bất kỳ thay đổi nào về tên gọi của bên bảo đảm hoặc số định danh của hồ sơ đăng ký, bên nhận bảo đảm phải thay đổi các thông tin này trong thời hạn 04 (bốn) tháng.

Ngoài ra, theo Điều 17 Sắc lệnh số 04/2019, bên nhận bảo đảm còn có nghĩa vụ hủy bỏ việc đăng ký giao dịch bảo đảm bằng khoản phải thu trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện sau: quyền của bên được bảo đảm chấm dứt; tài sản bảo đảm đã được xử lý; bên nhận bảo đảm từ bỏ quyền trên tài sản bảo đảm; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, theo đó, việc đăng ký giao dịch bảo đảm được chấm dứt.

Trường hợp bên nhận thế chấp trì hoãn việc hủy bỏ đăng ký giao dịch bảo đảm, từ đó gây ra thiệt hại cho các chủ thể có liên quan, bên nhận thế chấp phải chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại mình đã gây ra.

Song song với các quy định về nghĩa vụ của bên nhận bảo đảm, Sắc lệnh số 04/2019 cũng quy định về quyền của bên bảo đảm hoặc các chủ thể có liên quan khác. Chẳng hạn, theo Điều 19 và 20 của Sắc lệnh này, trường hợp bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan nhận biết được về bất kỳ sai sót nào trong các thông tin đã được đăng ký, họ có quyền yêu cầu bên nhận bảo đảm thay đổi hoặc hủy bỏ việc đăng ký. Nếu bên nhận bảo đảm từ chối yêu cầu này, bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan có quyền yêu cầu phủ quyết việc đăng ký (dissidence registration). Bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan phải thông báo cho bên nhận bảo đảm về việc phủ quyết đăng ký giao dịch bảo đảm trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày yêu cầu phủ quyết.

Sau khi yêu cầu phủ quyết đã được gửi đến Trung tâm Tham khảo tín dụng, bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan có thời hạn 30 (ba mươi) ngày để tiến hành khởi kiện hoặc yêu cầu giải quyết tranh chấp tại cơ quan trọng tài và nộp văn bản chấp nhận thụ lý của cơ quan có thẩm quyền cho hệ thống thông báo và đăng ký công khai của Trung tâm. Nếu quá thời hạn này mà bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan không thực hiện được các yêu cầu trên, Trung tâm Tham khảo tín dụng sẽ từ chối yêu cầu phủ quyết (Điều 21 Sắc lệnh số 04/2019).

Trường hợp bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan đã khởi kiện tại cơ quan giải quyết tranh chấp và được giải quyết bằng bản án của tòa án hoặc phán quyết của hội đồng trọng tài, Trung tâm Tham khảo tín dụng căn cứ trên kết quả giải quyết tranh chấp để hủy bỏ việc đăng ký giao dịch bảo đảm trước đây hoặc từ chối yêu cầu phủ quyết.

Trong các trường hợp nêu trên, theo tinh thần của Điều 22, 23 Sắc lệnh số 04/2019, dù bên nhận bảo đảm chủ động thay đổi, hủy bỏ việc đăng ký theo yêu cầu của bên bảo đảm hoặc chủ thể có liên quan hay thông qua kết quả giải quyết tranh chấp, hệ thống thông báo và đăng ký công khai của Trung tâm Tham khảo tín dụng sẽ lưu lại minh chứng và cấp văn bản xác nhận về việc thay đổi, hủy bỏ thông tin đăng ký và phủ quyết đăng ký.

Bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm và các chủ thể có liên quan phải đảm bảo tính chính xác, minh bạch và hợp pháp của các thông tin đăng ký trên hệ thống thông báo và đăng ký công khai của Trung tâm Tham khảo tín dụng. Nếu việc cung cấp thông tin sai lệch gây thiệt hại cho bất kỳ chủ thể nào, chủ thể đại diện cho các bên thực hiện quá trình đăng ký giao dịch bảo đảm phải chịu trách nhiệm pháp lý

tùy theo mức độ thiệt hại (Điều 25 Sắc lệnh số 04/2019).

Về phía cơ quan quản lý nhà nước, các Điều 30, 32 Sắc lệnh này quy định, Trung tâm Tham khảo tín dụng phải đảm bảo các điều kiện và quy trình cần thiết về kỹ thuật để duy trì hoạt động có hiệu quả của hệ thống thông báo và đăng ký công khai, đồng thời phải tiến hành các biện pháp ngăn chặn nguy cơ rò rỉ thông tin hoặc mất dữ liệu đã đăng ký. Trong thời hạn 15 (mười lăm) năm kể từ ngày việc đăng ký giao dịch bảo đảm bằng khoản phải thu chấm dứt hoặc đã hết thời hạn, Trung tâm Tham khảo tín dụng phải lưu trữ các minh chứng điện tử có liên quan.

Từ các phân tích trên, có thể thấy khung pháp lý về biện pháp bảo đảm dựa trên quyền tài sản nói chung và thế chấp quyền tài sản phát sinh từ HĐ nói riêng tại Trung Quốc là tương đối toàn diện, được quy định tập trung trong một số văn bản quy phạm pháp luật, có tính kết nối, tương thích cao với nhau, đồng thời phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội tại quốc gia này. Một số quy định còn thể hiện tính hiện đại của quy phạm pháp luật chuyên ngành với sự phát triển của hệ thống đăng ký điện tử dựa trên nền tảng công nghệ của thời đại số. Những ưu điểm, thành tựu trên gợi mở một số kinh nghiệm lập pháp phù hợp để Việt Nam tham khảo, áp dụng trong thời gian tới.

2.2. Một số gợi mở cho Việt Nam

Từ những phân tích, đánh giá mang tính khái quát về kinh nghiệm pháp luật của Trung Quốc, quốc gia có nền văn hóa pháp lý và vị trí địa lý gần gũi với Việt Nam, có thể thấy khung pháp lý của Trung Quốc có những đặc thù, quy định riêng nhằm điều chỉnh các quan hệ bảo đảm nói chung và các giao dịch bảo đảm dựa trên quyền tài sản phát sinh từ HĐ nói riêng, chẳng hạn quyền đối với phần vốn góp trong DN hay (đặc biệt là) quyền yêu cầu thanh toán (hay còn được biết đến với thuật ngữ "khoản phải thu"). Nhóm tác giả nhận thấy, việc học hỏi có chọn lọc các kinh nghiệm lập pháp phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam là hết sức cần thiết và mang lại giá trị thực tiễn cao. Do đó, xuất phát từ góc nhìn so sánh, các tác giả đưa ra một số đề xuất, kiến nghị sau đây nhằm góp phần hoàn thiện khung pháp lý có liên quan đến thế chấp quyền tài sản hinh thành từ HĐ:

Từ kinh nghiệm pháp luật của Trung Quốc, có thể thấy, đối với trường hợp thế chấp quyền đối với phần vốn góp trong DN, khung pháp lý điều chỉnh vấn đề này khá thống nhất và tạo cơ chế bổ sung, hoàn thiện lẫn nhau giữa các văn bản như Luật Tài sản, Bộ luật Dân sự, Luật Công ty… Trong khi đó, ở nước ta, pháp luật hiện hành ghi nhận chủ sở hữu phần vốn góp trong DN được sử dụng phần vốn góp của mình làm tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP lại không quy định cụ thể về xử lý tài sản thế chấp là quyền đối với phần vốn góp trong DN, những thiếu sót này đã làm cho quyền đối với phần vốn góp trong DN "kém hấp dẫn" hơn những loại tài sản bảo đảm khác, gián tiếp gây khó khăn cho quá trình huy động vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh của các chủ thể sở hữu [3]. Có thể thấy, khung pháp lý về vấn đề này ở Việt Nam còn chưa thực sự đồng bộ, xuất hiện khoảng trống giữa các văn bản pháp luật có liên quan, làm ảnh hưởng đến khả năng áp dụng pháp luật trên thực tế, đồng thời cũng làm suy giảm hiệu quả của biện pháp thế chấp quyền đối với phần vốn góp trong các giao dịch dân sự hay thương mại hiện nay. Do đó, kinh nghiệm lập pháp của Trung Quốc có giá trị tham khảo rất cao trong công tác xây dựng các luật chuyên ngành có quy định mang tính thực tiễn, bổ sung và hoàn thiện các nguyên tắc chung về xử lý tài sản bảo đảm là phần vốn góp của bên bảo đảm, tạo thuận lợi cho bên nhận bảo đảm thực hiện quyền của mình trên phần vốn góp được chuyển giao trong DN theo đúng tinh thần của Bộ luật Dân sự và đúng trình tự, thủ tục quy định trong Luật Công ty.

Bên cạnh đó, pháp luật Trung Quốc cũng cho thấy sự chủ động của các cơ quan xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật khi đưa ra các quy định cụ thể, rõ ràng về các quy trình, thủ tục ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình đăng ký giao dịch bảo đảm dựa trên các khoản phải thu. Tất cả các giai đoạn của quy trình đăng ký giao dịch bảo đảm đều được thực hiện qua hệ thống trực tuyến của nhà nước, được quản lý trực tiếp từ Trung Tâm Tham khảo tín dụng của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, từ thủ tục đăng ký đến trường hợp thay đổi thông tin đã đăng ký của các bên, trường hợp bên còn lại trong giao dịch bảo đảm hoặc người thứ ba không trực tiếp đăng ký nhưng có yêu cầu kiểm tra hoặc phủ quyết việc đăng ký, đến giai đoạn chấm dứt đăng ký đều được yêu cầu phải thực hiện trên hệ thống trực tuyến và được lưu

trữ lâu dài. Việt Nam có thể tham khảo kinh nghiệm xây dựng quy trình đăng ký, hệ thống đăng ký, kiểm soát và lưu trữ thông tin trực tuyến của Trung Quốc để hoàn thiện khung pháp lý có liên quan cũng như hệ thống đăng ký tương tự ở nước ta, từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các chủ thể tham gia biện pháp thế chấp nói chung và thế chấp các quyền tài sản phát sinh từ HĐ nói riêng.

3. Kết luận

Dù mỗi quốc gia có những nét đặc thù riêng về kinh tế, xã hội hay chế độ chính trị, tuy nhiên sự gần gũi về vị trí địa lý và nhiều yếu tố tương đồng về văn hóa pháp lý (cùng là các quốc gia ở Châu Á, cùng theo hệ thống Dân Luật – Civil Law) là những yếu tố quan trọng để Việt Nam có thể cân nhắc học hỏi kinh nghiệm lập pháp từ Trung Quốc. Đặc biệt, đối với chế định bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nói chung và việc sử dụng các quyền tài sản phát sinh từ HĐ để bảo đảm nói riêng, pháp luật Trung Quốc đã đưa ra những quy định chặt chẽ, cụ thể, cho thấy sự quan tâm kịp thời của nhà nước trong công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật đảm bảo bắt kịp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ở từng giai đoạn. Những kinh nghiệm pháp luật phù hợp, có khả năng áp dụng tại Việt Nam cũng đồng thời là một số gợi mở cho đất nước ta trong quá trình hoàn thiện khung pháp lý về các biện pháp bảo đảm sử dụng quyền yêu cầu phát sinh từ HĐ là tài sản bảo đảm.

Tài liệu tham khảo

[1] Lei Chen (2023), *The Security Interests in Chinese Law: Some Nuances (tạm dịch: Vật quyền bảo đảm trong pháp luật Trung Quốc: Một số sắc thái)*, Sách chuyên khảo The Making of the Chinese Civil Code: Promises and Persistent Problems (tạm dịch: Quá trình soạn thảo Bộ luật Dân sự Trung Quốc: Hứa hẹn và các vấn đề còn tồn tại), NXB Đại học Cambridge.

[2] WilmerHale (2024), *China revises Company Law effective July 1 (tạm dịch: Trung Quốc sửa đổi Luật Công ty)*, có hiệu lực từ 1/7/2024), nguồn: https://www.wilmerhale.com/en/insights/client-alerts/20240118-china-revises-company-law-effective-july-1.

[3] Nguyễn Hoàng Long (2024), *Hoàn thiện pháp luật về thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng*, Tạp chí Kiểm sát, số 02.

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ ĐIỀU KIỆN ĐỀ NGHỊ...

Tiếp theo trang 291

3. Kết luận

Điều kiện được phép chuyển đổi giới tính là điều kiện đầu tiên đảm bảo người chuyển giới có thể thực hiện quyền của mình hay không. Do đó, điều kiện chuyển đổi giới tính trong Dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính cần đảm bảo hầu hết người chuyển giới đều thực hiện được quyền được chuyển đổi giới tính của mình. Việc ghi nhận rộng rãi quyền của người chuyển giới tạo ra hành lang pháp lý quan trọng, tạo ra sự bình đẳng cho người chuyển giới trong các quan hệ pháp luật và các hoạt động xã hội. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện điều kiện chuyển đổi giới tính trong Dự thảo cần xem xét các yếu tố sau: 1) Việc yêu cầu bắt buộc phải can thiệp y học để chuyển đổi giới tính có đảm bảo người chuyển giới được thực hiện quyền một cách rộng rãi; 2) Quy định điều kiện chuyển giới phải can thiệp y học có giúp xoá bỏ sự kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người chuyển giới, xã hội có cách nhìn cởi mở và xoá bỏ kỳ thị đối với người chuyển giới.

Tài liệu tham khảo

[1] An Hà (2023), *Luật Bản dạng giới Argentina 2012*, nguồn: https://quochoi.vn/pages/tim-kiem.aspx?ItemID=77512, truy cập ngày 21/11/2024.

[2] Chính phủ (2024), *Dự thảo Luật Chuyển đổi giới tính.*

[3] Jason Armbrecht (2008), *Transsexuals and Thai Law (tạm dịch: Người chuyển giới và Luật pháp Thái Lan)*, nguồn: http://www.thailawforum.com/Transsexuals-and-Thai-Law.html, truy cập ngày 21/11/2024.

[4] Quốc hội Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.*

[5] Equadex (2024), *Right to change legal gender (tạm dịch: Quyền thay đổi giới tính pháp lý).*

[6] Quốc hội Việt Nam (2014), *Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13*.

[7] United Nations (2015), *Gender identity (tạm dịch: Nhận dạng giới tính)*, Newyork.

[8] Equaldex, *LGBT rights in mozambique (tạm dịch: Quyền lợi của cộng đồng LGBT ở Mozambique)*, nguồn: https://www.equaldex.com/region/mozambique, truy cập ngày 21/11/2024.